

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Phương Nga

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH
NÔNG SẢN VIỆT PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Phạm Phương Nga

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Phương Nga Mã SV: 1913401004

Lớp : QTL2301

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Nông Sản Việt Phát

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua người bán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại đơn vị thực tập.
- ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- ✓ Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán thanh toán với người mua người bán năm 2019 tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Nông sản Việt Phát.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH nông sản Việt Phát

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 10 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Th.S Trần Thị Thanh Thảo**
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: **Phạm Phương Nga – QTL2301; Chuyên ngành: KT - KT**
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH Nông sản Việt Phát*

Nội dung hướng dẫn:

Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC; Tìm hiểu thực tế công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại đơn vị thực tập; Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Hoàn thành đúng tiến độ các chương theo qui định của GV hướng dẫn;
- Có trách nhiệm với công việc được giao;

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Khóa luận tốt nghiệp có bố cục hợp lý;
- Đã khái quát hóa được lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua người bán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC;
- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH Nông sản Việt Phát với số liệu logic;
- Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán tại Công ty TNHH Nông sản Việt Phát trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021.

Giảng viên hướng dẫn

Th.S Trần Thị Thanh Thảo

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	4
1.1.Một số khái niệm cơ bản về thanh toán	4
1.1.1.Khái niệm thanh toán và hình thức thanh toán	4
1.1.2.Nhiệm vụ kế toán thanh toán	5
1.2. Nội dung tổ chức kế toán thanh toán với người mua.....	6
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	6
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.....	8
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán.....	11
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	11
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.....	11
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán	14
1.4.Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	15
1.4.1.Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.	15
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.	15
1.5. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	17
1.5.1. Theo Hình thức Nhật ký chung.....	17
1.5.2. Theo Hình thức Nhật ký – sổ cái	19
1.5.3. Theo Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	21
1.5.4. Theo Hình thức kế toán máy	23
CHƯƠNG 2:THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT	25
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH nông sản Việt Phát	25
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH nông sản Việt Phát.	25

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ.....	26
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	27
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát.....	29
2.1.5. Chế độ kế toán áp dụng tại đơn vị.....	30
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát.....	31
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát.....	31
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Nông sản Việt Phát.....	32
2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng.....	32
2.2.2.2. Quy trình hạch toán.....	32
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát.....	47
2.2.3.1. Chứng từ tài khoản, sổ sách sử dụng.....	47
2.2.3.2. Quy trình hạch toán.....	47
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT.....	61
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát.....	61
3.1.1. Ưu điểm.....	61
3.1.2. Hạn chế.....	62
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát.....	63
3.2.1. Giải pháp 1: Quản lý công nợ.....	63
3.2.2. Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	67
3.2.3. Giải pháp 3: Dự phòng nợ phải thu khó đòi.....	68
3.2.4. Giải pháp 4: Sử dụng phần mềm kế toán.....	74
KẾT LUẬN.....	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80

LỜI MỞ ĐẦU

Để có thể theo dõi một cách chi tiết, kịp thời, đầy đủ từng khách nợ nhằm giúp cho các nhà quản lý của công ty có những đánh giá khách quan, kịp thời về công nợ phải thu cần phải làm thế nào? Để giải quyết được vấn đề này Công ty cần xây dựng cho mình quy trình hạch toán hiệu quả, phù hợp với thực tế của công ty nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với chế độ chuẩn mực kế toán của Nhà nước

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công tác kế toán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát em nhận thấy tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát chỉ dừng ở việc theo dõi đầy đủ nhưng chưa kịp thời về tình hình công nợ. Nhận thức được tầm quan trọng của tổ chức kế toán thanh toán cùng với kiến thức đã được học ở trường, em chọn đề tài “ **Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH nông sản Việt Phát**” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận khóa luận gồm 3 chương. Cụ thể như sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH nông sản Việt Phát.

Chương 3: Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH nông sản Việt Phát.

Trong quá trình tìm hiểu và viết bài còn nhiều thiếu sót em mong được sự góp ý của các thầy cô giáo để em có thể hoàn thiện bài viết của mình hơn. Em xin chân thành cảm ơn ThS. Trần Thị Thanh Thảo đã hướng dẫn, cảm ơn ban lãnh đạo cùng tập thể nhân viên Công ty TNHH nông sản Việt Phát đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Phạm Phương Nga

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Một số khái niệm cơ bản về thanh toán

1.1.1. Khái niệm thanh toán và hình thức thanh toán

Thanh toán: là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia. Thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Hình thức thanh toán: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Các hình thức cụ thể: gồm hai loại là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- Thanh toán bằng tiền mặt: bao gồm các loại hình thanh toán như: thanh toán bằng tiền Việt Nam, bằng ngoại tệ các loại, hồi phiếu ngân hàng và các loại giấy tờ có giá trị như tiền.... Đây là các hình thức thanh toán trực tiếp giữa hai bên. Khi nhận được vật tư , hàng hóa, dịch vụ... thì bên mua xuất hiện tiền mặt ở quỹ để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán trên thực tế chỉ phù hợp với các giao dịch nhỏ và đơn giản, bởi vì các khoản mua có giá trị lớn việc thanh toán trở nên phức tạp và kém an toàn. Thông thường hình thức này được áp dụng để thanh toán cho công nhân viên , với các nhà cung cấp nhỏ, lẻ.

- Thanh toán không bằng tiền mặt là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức bao gồm: thanh toán bằng Séc, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thẻ tín dụng-L/C.

- Thanh toán bằng Séc: Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị có tên trên Séc. Đơn vị phát hành Séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng Séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư. Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức.

- Thanh toán ủy nhiệm thu: Ủy nhiệm thu là hình thức mà chỉ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

- Thanh toán bằng ủy nhiệm chi: Ủy nhiệm chi là giấy ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước, và một số khoản thanh toán khác..

- Thanh toán bù trừ: Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này. Định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ theo dõi

- Thanh toán bằng thư tín dụng-L/C, theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một tài khoản tín dụng ngân hàng của bên mua để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn bị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

- Thanh toán bằng thẻ tín dụng: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

1.1.2.Nhiệm vụ kế toán thanh toán

- Tổ chức ghi chép nhằm theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ, từng thời gian, đơn đốc việc thanh toán kịp thời tránh chiếm dụng vốn lẫn nhau.

- Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua bán thường xuyên hoặc có số nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán cần tiến hành kiểm tra,

đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn nợ. Nếu cần có thể yêu cầu khách hàng xác nhận nợ bằng văn bản.

- Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán.

- Tổng hợp, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý.

- Tổ chức hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp để phản ánh công nợ phải thu và phải trả. Đồng thời cũng cần xây dựng nguyên tắc, quy trình kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp thanh toán với người mua và người bán, sao cho khoa học hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định và chế độ.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải thu cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

- Phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không đòi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

- Trong quan hệ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư đã giao dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ.

* Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ TK 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ TK 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ số thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước.

- Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên có TK 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên có TK 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước.

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập BCTC. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

a) Chứng từ, sổ sách sử dụng.

- Hợp đồng BH (đối với những khách hàng có giao dịch lớn/ 1 lần giao dịch)
- Hóa đơn bán hàng(hoặc hóa đơn GTGT)(do doanh nghiệp lập.
- Phiếu xuất kho
- Chứng từ thu tiền, phiếu thu, giấy báo có.
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Sổ cái TK 131
- Sổ nhật kí chung
- Sổ chi tiết TK 131 theo từng khách hàng.
- Bảng tổng hợp TK 131

b) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

Kết cấu TK 131: phải thu của khách hàng.

Bên nợ	Bên có
-Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính. - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).	Số tiền khách hàng đã trả nợ - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng. - Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại. - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT). - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.

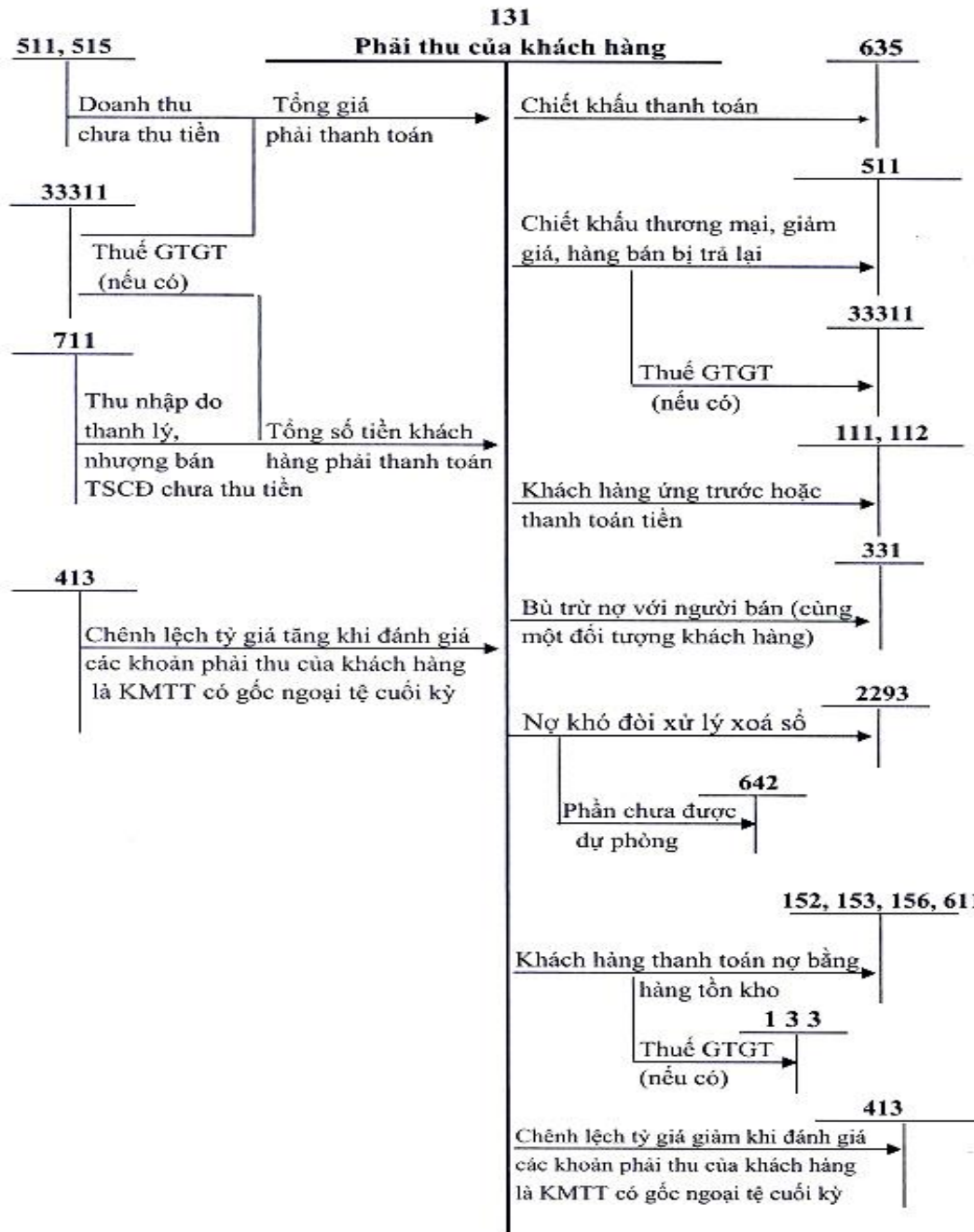
Khóa luận tốt nghiệp

	- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt nam).
Số dư bên nợ Số tiền còn phải thu của khách hàng	Số dư bên có (nếu có) Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

Chú ý: Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “ tài sản” và bên “nguồn vốn” .

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



Sơ đồ 1.1: Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người mua trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ, hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hoá dịch vụ trả tiền ngay.

Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo chính thức của người bán.

Khi hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

a) Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Các chứng từ về mua hàng: Hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) do người bán lập, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận,...

- Các chứng từ thanh toán tiền hàng, phiếu chi, giấy báo nợ, ủy nhiệm chi, séc,...

- Biên bản đối chiếu công nợ

- Sổ cái TK 331

- Sổ nhật ký chung

- Sổ chi tiết TK 331 từng nhà cung cấp

- Bảng tổng hợp TK 331

c) Tài khoản sử dụng

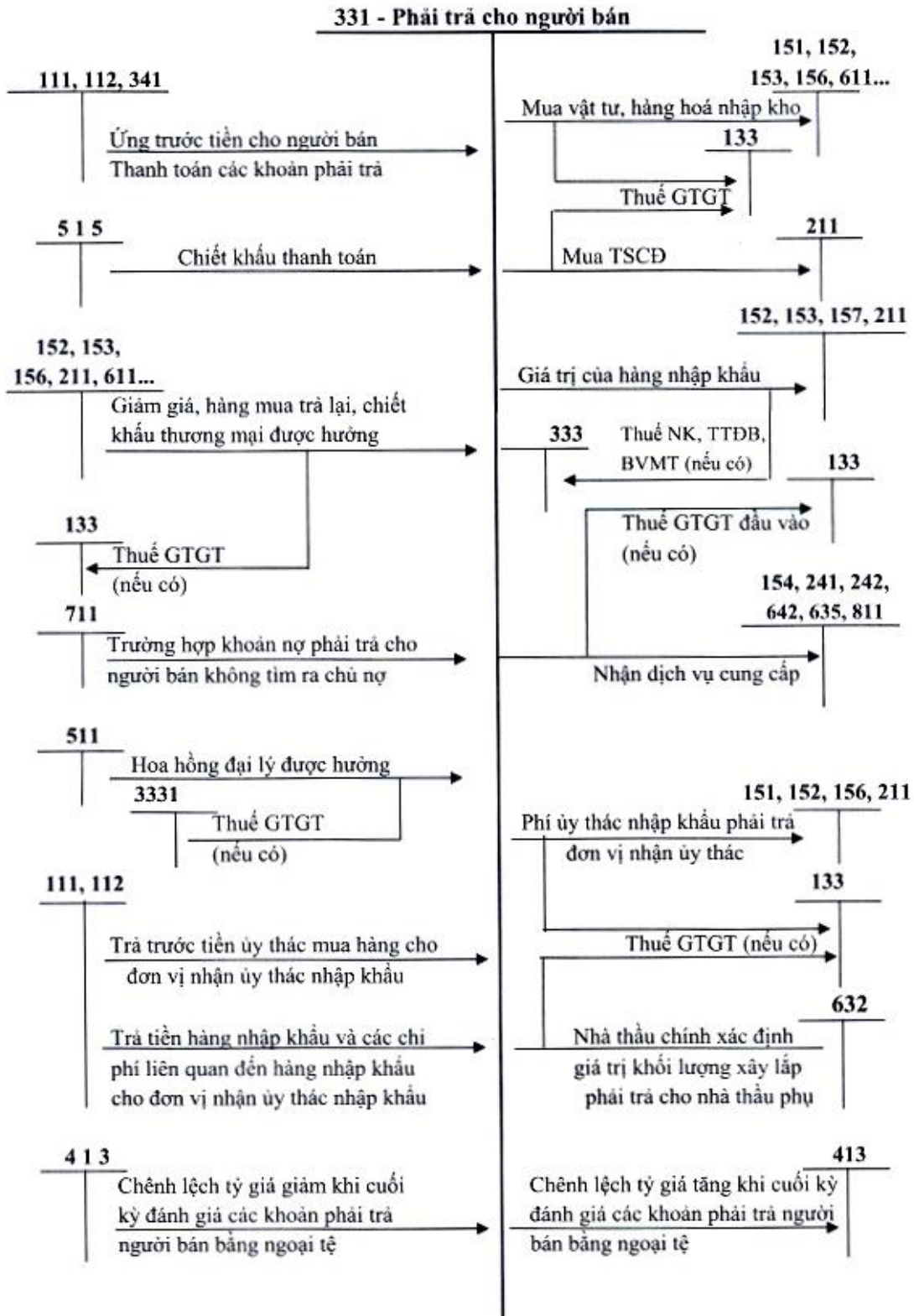
Tài khoản 331: Phải trả cho người bán

Kết cấu TK 331: Phải trả cho người bán

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp. - Số tiền cung ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao. - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng. - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào các khoản nợ phải trả cho người bán. - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp. - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư hàng hóa dịch vụ được nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
<p style="text-align: center;">Số dư bên nợ (nếu có)</p> <p>Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số tiền phải trả cho người bán theo chi tiết từng đối tượng cụ thể</p>	<p style="text-align: center;">Số sự bên có</p> <p>Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.</p>

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi hai chỉ tiêu bên “ Tài sản: và bên “ Nguồn vốn”.

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán



Sơ đồ 1.2: Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người bán trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC

1.4.Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.

1.4.1.Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.

- Tỷ giá hối đoái được hiểu là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo đồng nội tệ. Đây chính là giá của ngoại tệ trên thị trường và được xác định dựa trên quan hệ cung cầu về ngoại tệ.

- Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

+ Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.

-Trong kế toán sử dụng loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.

+ Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước VN công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.

+ Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.

+ Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thì điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.

Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.

• Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ căn cứ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh ghi:

Nợ TK 131: Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

Có TK 511, 711: Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

- Khi thu được nợ phải thu bằng ngoại tệ nợ phải thu của khách hàng:

Trường hợp bên Có các tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 111, 112: Tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch

Nợ 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Khi thu các khoản nợ phải thu:

Nợ TK 111, 112: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Có TK 131: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Ghi nhận phần chênh lệch tỷ giá: Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời tại thời điểm thu nợ hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh của DN:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 131

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Khi mua vật tư hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ nhà cung cấp chưa thanh toán tiền bằng ngoại tệ, căn cứ vào tỷ giá giao dịch tại ngày giao dịch

Nợ TK 111, 112, 153, 156, 211, 642

Có TK 331: phải trả người bán

- Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ :

- Trường hợp bên Nợ các TK phải trả và bên Có các TK tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 331: tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635: chi phí tài chính(lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111, 112 (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 : doanh thu hoạt động tài chính

- Trường hợp bên Nợ các TK phải trả và bên Có các TK tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

+ Khi thanh toán nợ phải trả:

Nợ TK 331

Có TK 111, 112

+ Ghi nhận chênh lệch tỷ giá: việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời khi thanh toán nợ phải trả hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 635: chi phí tài chính

Có TK 331

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 331

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

1.5. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.5.1. Theo Hình thức Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký chung, mà trọng tâm là Sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của cả nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

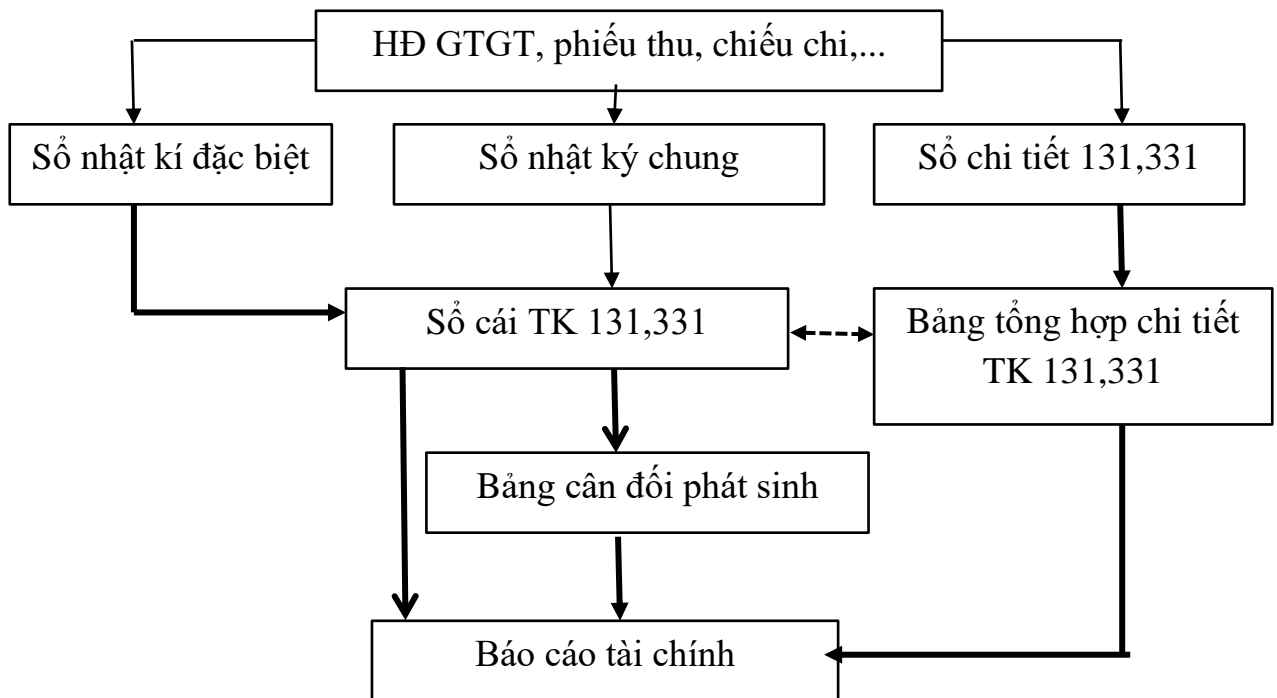
Ưu điểm.

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.
- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán.
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

Nhược điểm

- Lượng ghi chép nhiều.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung.

Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Kiểm tra đối chiếu ←-----→

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ

vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật Ký Chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản phù hợp.

- Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật Ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy khối lượng các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh bên Nợ và Tổng số phát sinh bên Có trên Bảng cân đối phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh bên Nợ và Tổng số phát sinh bên Có trên Nhật ký chung cùng kỳ.

1.5.2. Theo Hình thức Nhật ký – sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

- Sổ sách chủ yếu:
 - + Nhật ký - Sổ cái;
 - + Các sổ, thẻ chi tiết.
- Ưu điểm

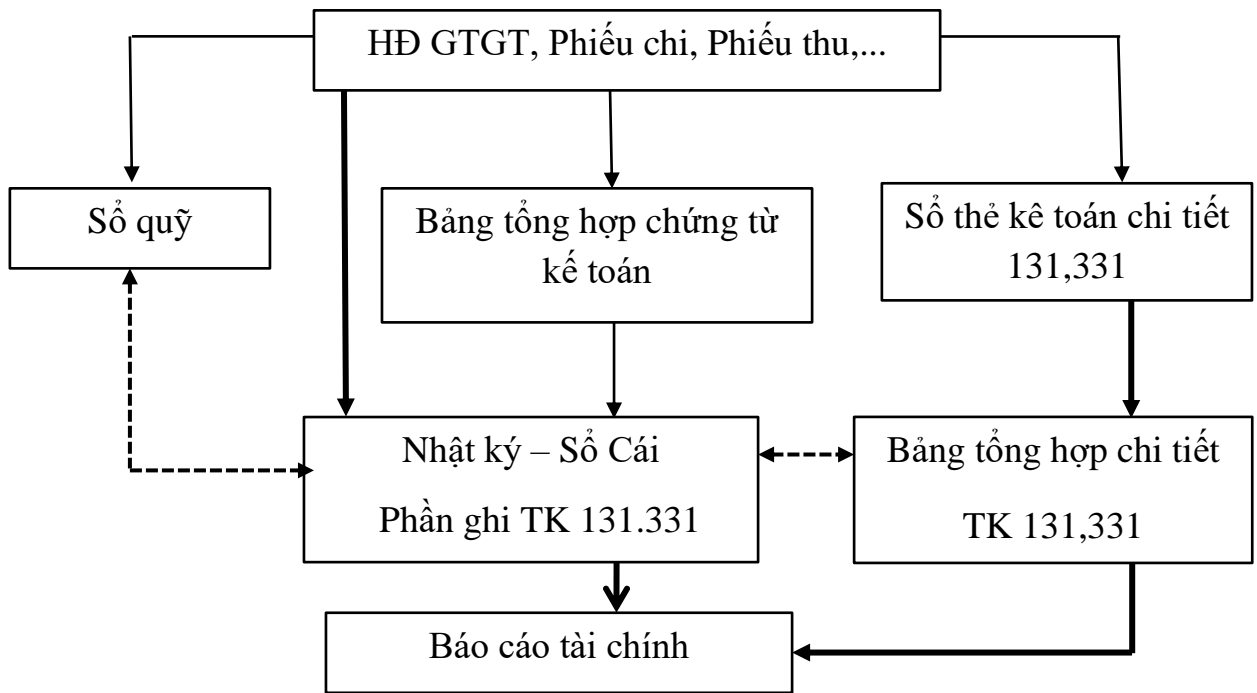
+ Số lượng ít, mẫu số đơn giản dễ ghi chép. Nhật ký chung Sổ cái tài khoản 131, 331... Cân đối số phát sinh Báo cáo tài chính Chứng từ kế toán (Hóa đơn GTGT, phiếu chi... Bảng tổng hợp chi tiết 131, 331 Sổ chi tiết 131,331; Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có)

+ Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký - Sổ cái.

- Nhược điểm

+ Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán

+ Khó thực hiện đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn phát sinh nhiều tài khoản.



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>

Ghi định kỳ —————>

Kiểm tra đối chiếu <----->

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái:

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại Nhật ký - Sổ cái Báo cáo tài chính Chứng từ kế toán (Hóa đơn GTGT, phiếu chi... Bảng tổng hợp chi tiết 131, 331; Sổ chi tiết 131,331;Sổ quỹ mỗi chứng từ được ghi trên một dòng của cả hai phần Nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập

cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Công việc cuối tháng:

+ Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán trong tháng vào sổ Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột nợ, cột có trong từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng khoản trên Nhật ký – Sổ cái.

1.5.3. Theo Hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sổ kế toán:

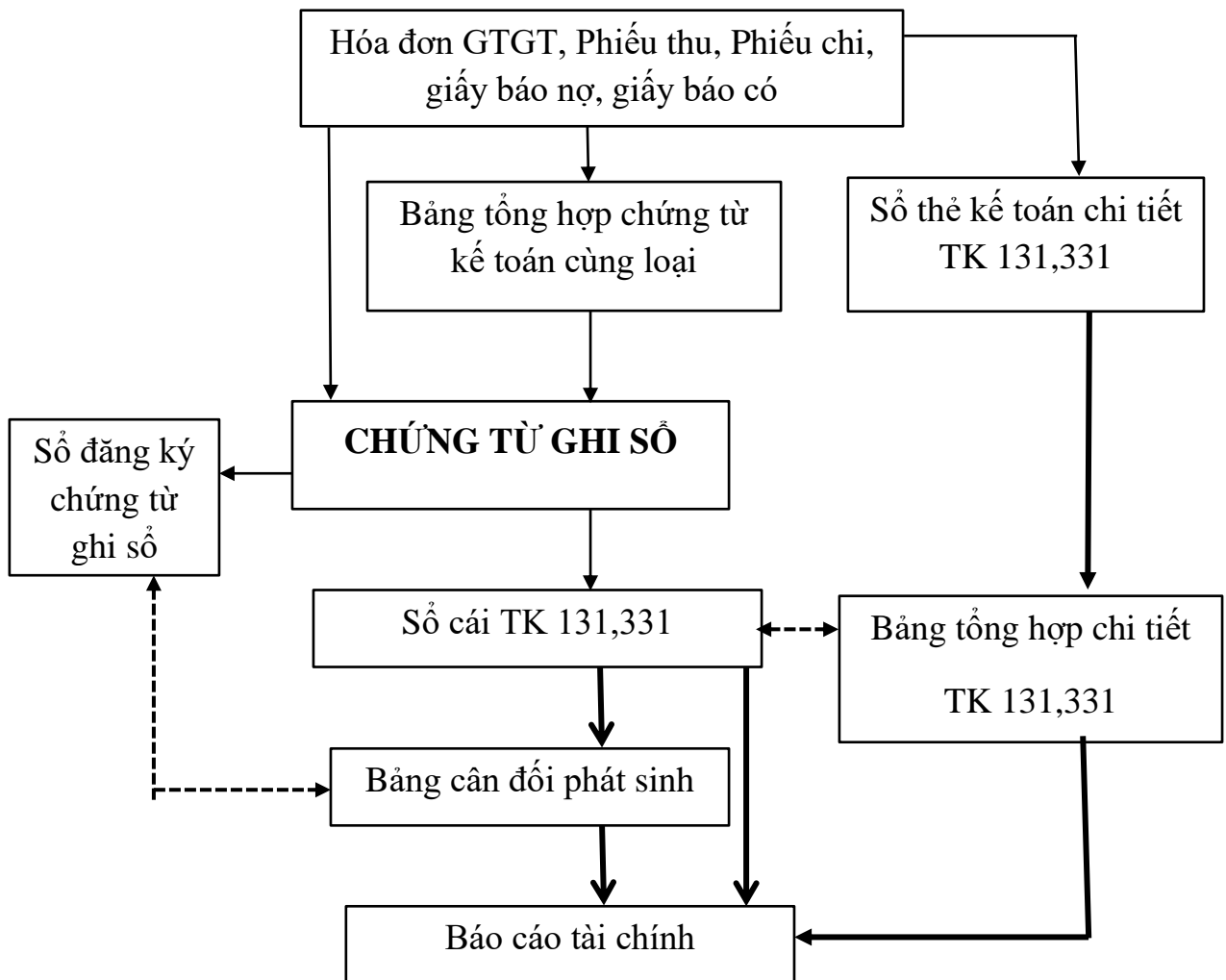
- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

Ưu điểm

- Mẫu số đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

Nhược điểm

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện cuối tháng vì vậy cung cấp thông tin thường chậm



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

- Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>
Ghi định kỳ —————>
Kiểm tra đối chiếu <----->

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập

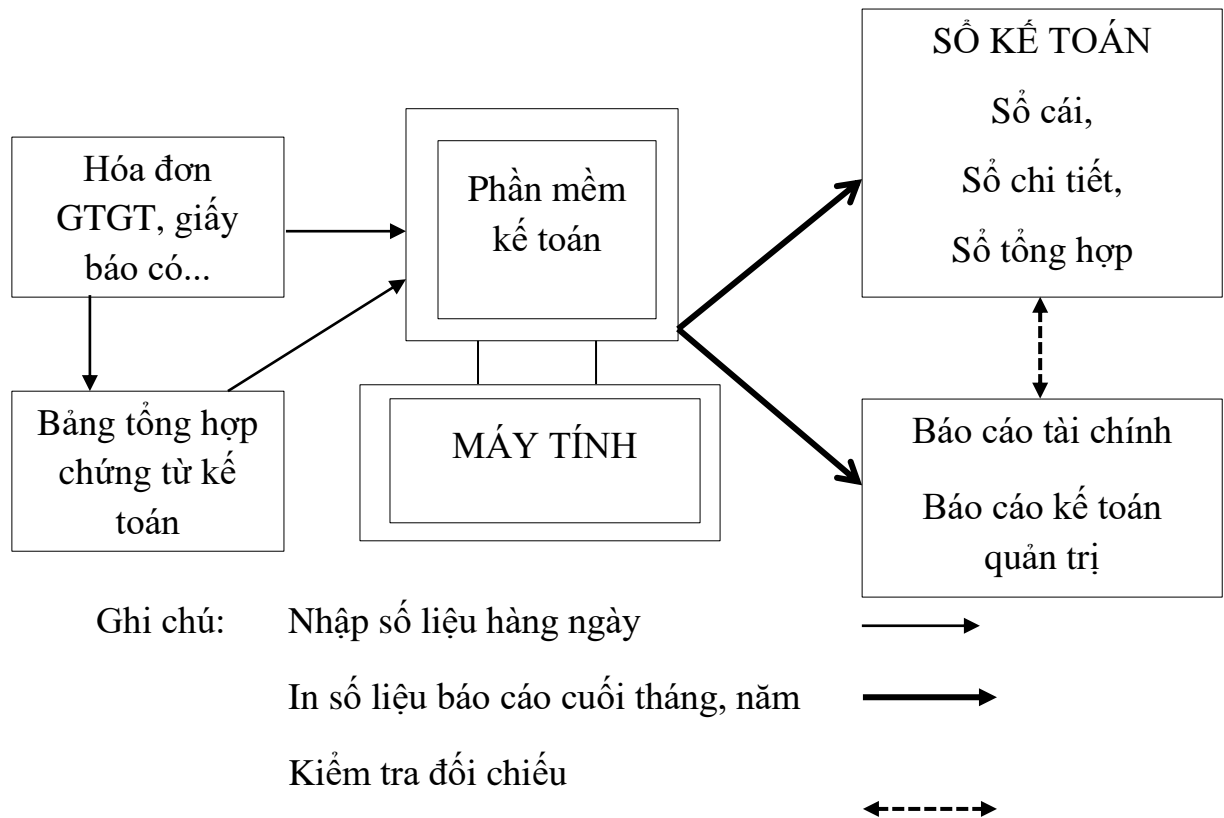
Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại chứng từ ghi sổ, Báo cáo tài chính Chứng từ kế toán (Hóa đơn GTGT, phiếu chi... Bảng tổng hợp chi tiết 131, 331) Sổ chi tiết 131,331;Sổ quỹ; Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ; Sổ cái TK131,331... Bảng cân đối số phát sinh

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.5.4. Theo Hình thức kế toán máy

- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH
TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH
NÔNG SẢN VIỆT PHÁT**

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH nông sản Việt Phát

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH nông sản Việt Phát.

Thông tin chung về công ty:

Tên công ty: Công ty TNHH Nông sản Việt Phát

_ Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

_ Địa chỉ trụ sở chính: số 20, đường Nam Phong, phường Nam Hải, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

_ Điện thoại: 0225.3619366

_ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0201748596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 21/10/2016

_ Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/12/2017 do thay đổi địa chỉ

_ Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 8/1/2019 do tăng vốn điều lệ và thay đổi người góp vốn

Công ty TNHH Nông sản Việt Phát thành lập và đi vào hoạt động mới được 4 năm nhưng đã và đang khẳng định được thương hiệu của mình trong lĩnh vực kinh doanh thương mại trên địa bàn Thành phố Hải Phòng và trên toàn quốc.

Công ty TNHH Nông sản Việt Phát thành lập ngày 21/10/2016 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201748596 - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng. Quy mô ban đầu của Công ty chỉ là một văn phòng nhỏ, được thành lập do hộ gia đình tự phát nên khó tránh khỏi các khó khăn ban đầu về việc quản lý cũng như các chiến lược xâm nhập thị trường. Tuy rằng “ khởi nghiệp” từ vô vàn khó khăn lớn nhỏ nhưng Lãnh đạo Công ty cùng với cán bộ công nhân viên Công ty vẫn quyết tâm thực hiện vì mục tiêu khẳng định uy tín và thương hiệu của mình đối với thị trường trong và ngoài nước.

Trong suốt quá trình hoạt động, không thể kể hết những khó khăn chồng chất cũng như những trở ngại khôn lường mà tập thể cán bộ công nhân viên Công ty phải vượt qua từ những ngày tháng khởi nghiệp, đổi lại đến nay công ty đã khẳng định được uy tín, vị thế, thương hiệu của mình trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Để tồn tại trên thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt và đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường cũng như sự phát triển không ngừng của đất nước, Công ty đã xây dựng chiến lược cho riêng mình, trong đó trọng tâm là đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên, đa dạng hóa ngành nghề để có thể tạo thêm môi trường công việc cho các cán bộ công nhân viên thử thách bản thân và giúp các bạn sinh viên cũng như bản thân em có cơ hội được tham gia và làm việc với công ty. Qua đó, đã tạo được uy tín với các chủ đầu tư, đồng thời tạo được nền móng vững chắc để Công ty phát triển trong điều kiện mới.

Với phương châm “Coi con người là nhân tố trung tâm để quyết định thành công, phồn thịnh và phát triển bền vững”, vì vậy Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của nhân viên, bằng những việc làm cụ thể như mở rộng, đa dạng hóa loại hình kinh doanh góp phần tạo công ăn việc làm ổn định và tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

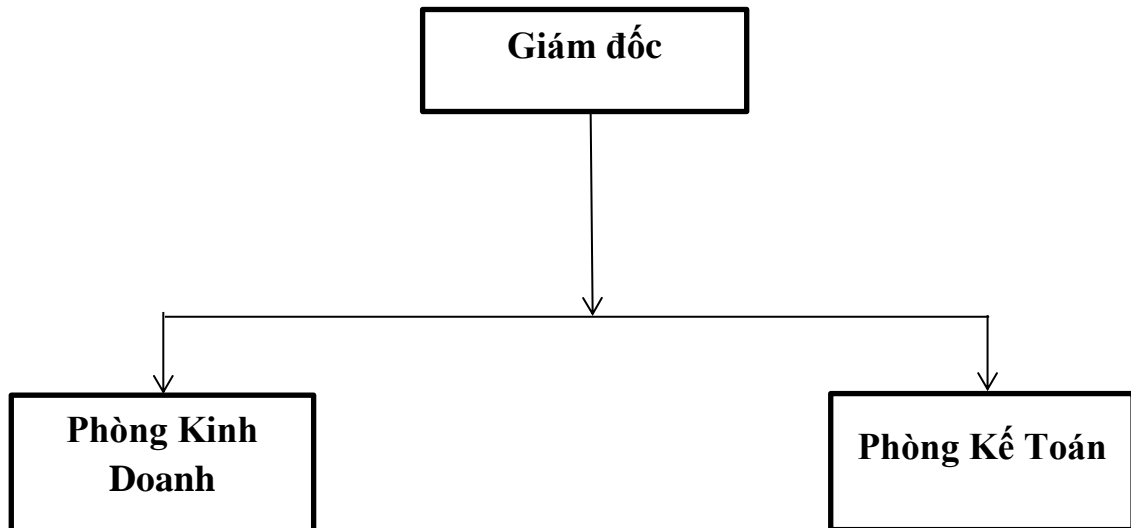
Đất nước chuyển mình bước sang thời kỳ đổi mới đặt ra trước mắt Công ty nhiều cơ hội cũng như vô vàn thách thức, đòi hỏi Công ty phải nhanh chóng thay đổi công tác quản lý, tổ chức theo hướng gọn nhẹ, năng động để thích nghi, tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt. Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, đầu tư tập trung, có trọng điểm và khả thi về vốn, tiến hành phân kỳ đầu tư, đảm bảo dự án đầu tư hiệu quả, ổn định công ăn việc làm cho người lao động.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ

Bán buôn các loại nông sản sản xuất thức ăn chăn nuôi. Cụ thể:

1. Khô đậu tương (bã đậu nành)
2. Ngô hạt
3. Lúa mì

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

▪ **Giám đốc :** Là người có quyền quyết định điều hành hoạt động của công ty . Giám đốc là người chịu trách nhiệm mọi hoạt động của công ty trước pháp luật.

Được quyền thay thế hoặc miễn nhiệm những cán bộ hoặc người lao động khi xét thấy họ không đảm đương được nhiệm vụ được giao.

▪ **Phòng kinh doanh :**

Phòng kinh doanh có chức năng tham mưu cho ban giám đốc xây dựng phương án và kế hoạch kinh doanh, thực hiện các chiến lược kinh doanh đã được giám đốc phê duyệt và quyết định. Tổng hợp chính xác kịp thời các hoạt động kinh doanh để xây dựng kế hoạch tiếp theo và lập báo cáo định kỳ. Thay mặt công ty quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để tạo lợi nhuận cao cho công ty. Đây là phòng có chức năng quan trọng trong việc tạo ra doanh thu, lợi nhuận cũng như quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty. Cụ thể phòng kinh doanh có nhiệm vụ:

+ Tổng hợp, hoàn thiện kế hoạch trong năm của công ty để giao cho các bộ phận lập báo cáo định kỳ để phản ánh tình hình kết quả kinh doanh của công ty

+ Kết hợp với phòng kế toán để công tác tiêu thụ hàng hóa không bị tắc nghẽn do thiếu hàng

+ Phân tích các khả năng tiêu thụ vật tư, hàng hóa hiện tại, nếu mặt hàng nào tiêu thụ chậm cần phải tìm hiểu để đưa ra các phương án tiêu thụ tốt hơn, đồng thời đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, tìm những khách hàng mới, thị trường mới tiềm năng, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty.

▪ **Phòng kế toán :**

- Chức năng:

+ Quản lý kinh tế tài chính và thực hiện các hoạt động thanh toán, hạch toán tài chính doanh nghiệp.

+ Giúp doanh nghiệp về lĩnh vực tài chính, theo dõi tình hình lợi nhuận của công ty và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Tham mưu cho giám đốc công ty để xây dựng kế hoạch phát triển trung và dài hạn, và các đề án sản xuất kinh doanh, huy động vốn, quản lý tài chính và tổ chức hạch toán kinh tế trong công ty.

- Nhiệm vụ:

+ Thu thập xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán

+ Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, đồng thời có nghĩa vụ thu nộp, thanh toán các khoản nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.

+ Cung cấp thông tin số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

+ Lập và phân tích các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Thực hiện công tác quản lý tài chính của công ty, tổ chức mô hình hạch toán và thực hiện toàn bộ công tác thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán của

doanh nghiệp. Tham mưu và tham gia điều hành hoạt động sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh theo phương án nhằm bảo tồn và phát triển vốn. Tổ chức thực hiện công tác kế toán của doanh nghiệp theo lệnh kế toán thống kê của Nhà nước.

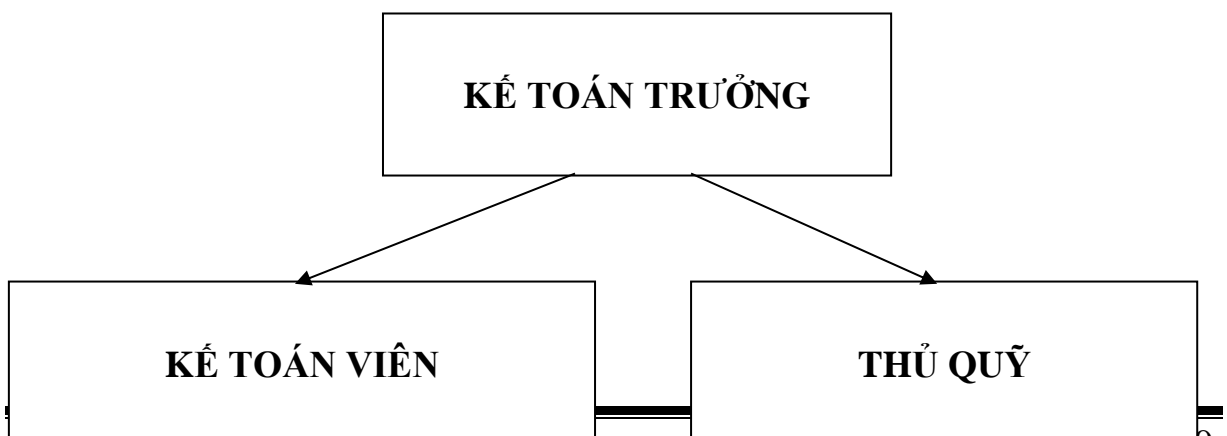
+ Thực hiện nhiệm vụ và nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp đối với Nhà nước, cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính của doanh nghiệp, để đề xuất các biện pháp nhằm thúc đẩy và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Xây dựng quy trình và kiểm tra thực hiện việc luân chuyển chứng từ trong doanh nghiệp.

+ Tổ chức việc lưu trữ chứng từ theo quy định của Bộ tài chính. Thu thập và xử lý thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch trong doanh nghiệp. Kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng kinh tế, nghiên cứu đề xuất với giám đốc công ty về tổ chức thực hiện các hình thức liên kết giữa doanh nghiệp với tổ chức khác.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát

Công tác kế toán trong doanh nghiệp được tổ chức theo mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập chung. Doanh nghiệp áp dụng hình thức này là vì : Doanh nghiệp chỉ có một phòng kế toán duy nhất, mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây. Phòng này ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, đánh giá công tác hoạt động tài chính giúp cho Giám đốc chỉ đạo có hiệu quả. Đồng thời gửi báo cáo lên Giám đốc doanh nghiệp

Ta có mô hình kế toán trong doanh nghiệp như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- Kế toán trưởng: Là một kế toán tổng hợp, có mối liên hệ trực tuyến với kế toán viên thành phần, có năng lực điều hành và tổ chức, là người chịu trách nhiệm trước cấp trên, trước pháp luật về việc chấp hành đúng các quy định trong chuẩn mực kế toán hiện hành, có trách nhiệm phổ biến chủ trương, kế hoạch và chỉ đạo công tác cho bộ phận kế toán công ty. Kế toán trưởng còn có nhiệm vụ tổ chức ghi chép và kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chế độ bảo vệ tài sản, vật tư, tiền vốn của công ty, các định mức tiền lương tiền thưởng... đồng thời xử lý các khoản hao hụt, mất mát. Thực hiện lập và gửi cấp trên đầy đủ, đúng hạn các báo cáo kế toán. Phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh và phân tích kết quả kinh doanh nhằm mục đích cung cấp thông tin cho nhà quản trị công ty ra quyết định kinh doanh, xây dựng các kế hoạch tài chính cho công ty.

- Kế toán viên: có nhiệm vụ theo dõi và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán và bao quát tất cả các phần hành kế toán, chịu sự chỉ đạo trực tiếp về nghiệp vụ của kế toán trưởng, trao đổi trực tiếp với kế toán trưởng về các vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ cũng như về chế độ kế toán, chính sách tài chính của Nhà nước.

- Thủ quỹ: chịu trách nhiệm quản lý các nguồn vốn bằng tiền của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ phần thu chi, sau đó tổng hợp đối chiếu phần thu chi với kế toán.

2.1.5. Chế độ kế toán áp dụng tại đơn vị

Các chính sách kế toán của công ty TNHH nông sản Việt Nam.

Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán: công ty vận dụng theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán tại công ty

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung.

Phương pháp sử dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng

Tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng)

Công ty sử dụng tiền Việt Nam Đồng là loại tiền chính trong hệ thống kế toán. Việc hoán đổi từ ngoại tệ sang tiền Việt Nam Đồng hoặc ngược lại sẽ dựa theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào thời điểm phát sinh giao dịch.

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát

Đặc điểm về đối tượng thanh toán tại công ty.

Về nhà cung cấp: là các nhà cung cấp đáng tin cậy trên thị trường, thường thì là các công ty cung cấp nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất thức ăn chăn nuôi như ngô hạt, bã đậu nành, cám mì viên,...cả trong và ngoài nước như Mỹ, Braxin,... và các đối tác cùng hợp tác lâu dài.

Về khách hàng: là các công ty, nhà máy hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn thức nuôi trên địa bàn Hải Phòng và các tỉnh lân cận như Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình,...

Các phương thức thanh toán

Phương thức thanh toán bao gồm: thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

Hình thức thanh toán: Gồm 2 loại cơ bản thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt như chuyển khoản để thanh toán với khách hàng thông qua giao dịch tại ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Nông sản Việt Phát

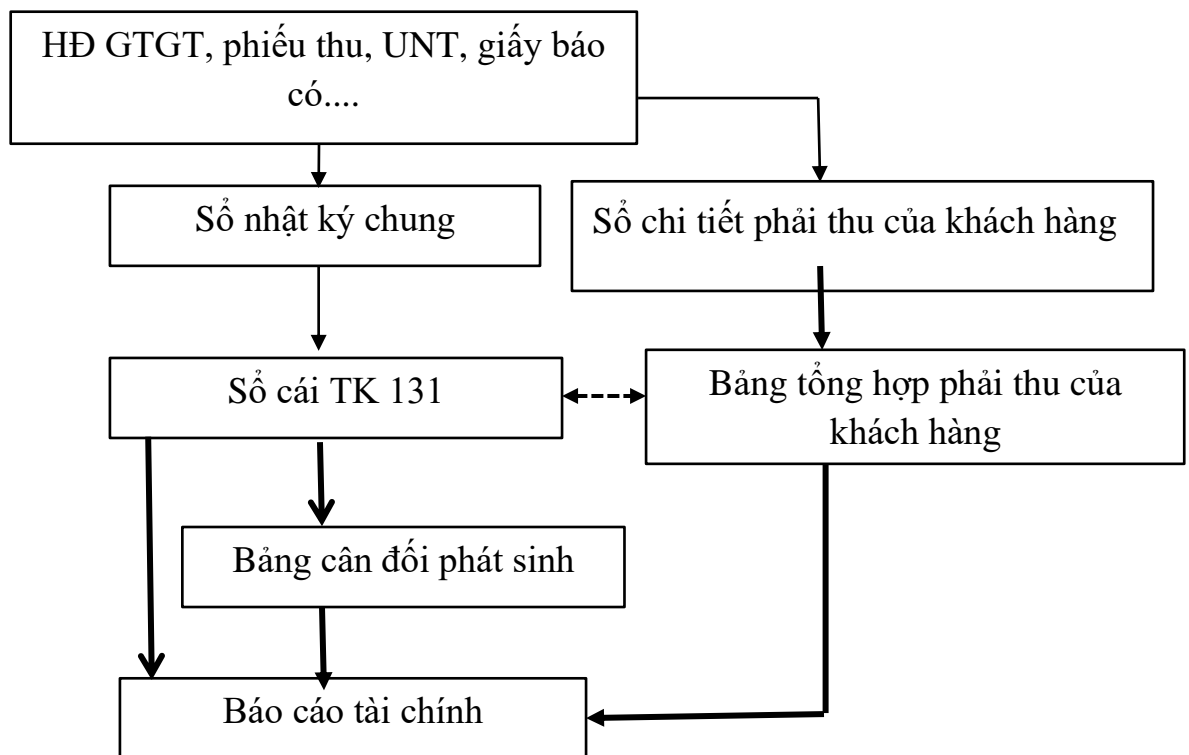
2.2.2.1. Chứng từ ,tài khoản, sổ sách sử dụng.

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu

Tài khoản sử dụng: TK 131- Phải thu của khách hàng.

Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 131, sổ chi tiết phải thu khách hàng, bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.

2.2.2.2. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán thanh toán với người mua tại công ty

- Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow
Ghi định kỳ \longrightarrow
Kiểm tra đối chiếu \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải thu của khách hàng. Sau đó từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép vào sổ cái TK 131. Cuối kỳ từ sổ chi tiết phải thu Khách hàng lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 131 với bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái TK 131 và bảng tổng hợp phải thu của khách hàng, cuối kỳ tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ số liệu trên sổ cái TK 131, bảng tổng hợp phải thu khách hàng và bảng cân đối phát sinh để lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ 01: Ngày 24/12/2019, Công ty TNHH nông sản Việt Phát bán ngô hạt cho công ty TNHH quốc tế FORPIG (M&D)

Căn cứ vào hóa đơn số 0000088 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Định khoản: Nợ TK 1311 : 1.716.762.000

Có TK 5111 : 1.716.762.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131(Biểu số 7), sổ chi tiết TK 511, TK 333. Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK 131(Biểu số 6), TK 511, TK 333

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (Biểu số 8)

Ví dụ 2: Ngày 26/12/2019, Công ty TNHH nông sản Việt Phát bán khô đậu tương cho công ty TNHH dịch vụ và thương mại Ngọc Long

Căn cứ vào hóa đơn số 0000090 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Định khoản: Nợ TK 1311 : 1.526.735.000


Có TK 5111: 1.526.735.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131(Biểu số 7), sổ chi tiết TK 511, TK 333. Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK 131(Biểu số 6), TK 511, TK 333

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (Biểu số 8)

Biểu số 1: HĐ GTGT 0000088

Khóa luận tốt nghiệp



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên: *Hạch toán nội bộ*
Ngày *24* tháng *12* năm *2019*

Mẫu số: 01GTKT3/002
Ký hiệu: AA/18P
Số: **000088**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT**
Mã số thuế: **0201748596**
Địa chỉ: **Số 20 đường Nam Phong, phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Điện thoại: Fax:
Số tài khoản: Tại:

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: *Công Ty TNHH Quốc Tế FORPIG (M&D)*
Mã số thuế: **0801142912**
Địa chỉ: *Thôn Vĩnh Mỹ, xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương*

Hình thức thanh toán: *CK* Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HOÀ, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
<i>01</i>	<i>Ngô hạt</i>	<i>kg</i>	<i>336,620</i>	<i>5,100</i>	<i>1.716.762,000</i>
Công tiền hàng: <i>1.716.762,000</i>					
Thuế suất GTGT: <i>1</i> %					Tiền thuế GTGT: <i>17.167,620</i>
Tổng cộng tiền thanh toán: <i>1.733.929,620</i>					
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một tỷ bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng</i>					
Số tiền viết bằng chữ: <i>hai ngàn đồng</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
Liên
Liên
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)


Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)
Liên
Liên
GIÁM ĐỐC

Liên Thị Liên

© In tại Cty CP Tin học và Công nghệ Hàng Hải - Tel: 0225.3836481 * MST: 0200421485

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Biểu số 2: HĐ GTGT 0000090



HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: *Hạch toán nội bộ*

Mẫu số: 01GTKT3/002
Ký hiệu: AA/18P
Số: **0000090**

Ngày *26* tháng *12* năm *2019*...

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT**
Mã số thuế: **0201748596**
Địa chỉ: **Số 20 đường Nam Phong, phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Điện thoại: Fax:
Số tài khoản: Tại:

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: *Công Ty TNHH DV và TM Ngọc Long*
Mã số thuế: **5701945707**
Địa chỉ: *Số nhà 426 tổ 4, Khu 10, P. Bàu Cháy, TP. Hà Long, Tỉnh Quảng Ninh*
Hình thức thanh toán: *CK* Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HOÀ, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
<i>01</i>	<i>khô đậu tương</i>	<i>kg</i>	<i>168.700</i>	<i>9.050</i>	<i>1.526.735.000</i>
/					
Công tiền hàng:					<i>1.526.735.000</i>
Thuế suất GTGT: <i>1</i> / %					Tiền thuế GTGT: <i>1</i>
Tổng cộng tiền thanh toán:					<i>1.526.735.000</i>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một tỷ năm trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng chẵn</i>					

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên):
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên): *Hành Lương Thị Hạnh*
Giám đốc: *Lương Thị Hiền*
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận)

M.S.D.N.000
CÔNG TY TNHH
NÔNG SẢN
VIỆT PHÁT
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC
Lương Thị Hiền

Scanned with CamScanner

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Ví dụ 3: Ngày 24/12/2019 công ty TNHH quốc tế FORPIG (M&D) thanh toán tiền mua ngô hạt cho công ty TNHH nông sản Việt Phát bằng chuyển khoản số tiền 800.000.000đ.

Kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 1121: 800.000.000

Có TK 1311: 800.000.000

Ví dụ 4: Ngày 26/12/2019 công ty TNHH dịch vụ và thương mại Ngọc Long thanh toán tiền mua khô đậu tương cho công ty TNHH Nông sản Việt Phát số tiền 670.000.000

Định khoản:

Nợ TK 1121: 670.000.000

Có TK 1311: 670.000.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 phải thu khách hàng mở cho công ty TNHH dịch vụ và thương mại Ngọc Long (Biểu số 7), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (Biểu số 6), TK 112

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 phải thu khách hàng mở cho công ty TNHH dịch vụ và thương mại Ngọc Long lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (Biểu số 8)

Biểu số 3: Giấy báo có số 761



Số: 761

Mã DV: PHUCDTQTO

GIẤY BÁO CÓ

Mã KH: 594256

24/12/2019

Kính gửi: Công ty TNHH Nông sản Việt Phát

Mã số thuế: 0201748596

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 0031000269281

Số tiền bằng số: 800.000.000

Số tiền bằng chữ: *Tám trăm triệu đồng./*

Nội dung: công ty TNHH quốc tế FORPIG (M&D) chuyển trả tiền ngô

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Biểu số 4: Giấy báo có số 997



GIẤY BÁO CÓ

26/12/2019

Số: 997

Mã DV: PHUCDTQTO

Mã KH: 594256

Kính gửi: Công ty TNHH Nông sản Việt Phát

Mã số thuế: 0201748596

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 0031000269281

Số tiền bằng số: 670.000.000

Số tiền bằng chữ: *Sáu trăm bảy mươi triệu đồng./*

Nội dung: công ty TNHH dịch vụ và thương mại Ngọc Long thanh toán tiền mua khô đậu tương

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 5: Trích Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH nông sản Việt Phát
Địa chỉ : số 20 đường Nam Phong, Nam Hải,
Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S03a –DNN
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2019

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

05/12	HĐ 237	05/12	Nhập mua ngô của công ty CP BIO GREEN FOOD VN	1561	1.338.540.000	
				3311		1.338.540.000
			
08/12	GBN 765	08/12	Chuyển trả tiền hàng cho Cty TNHH TM và ĐT PT Công Nghệ Hiệp Thành	3311	19.585.600	
				1121		19.585.600
			
13/12	HĐ 84	13/12	Xuất bán ngô cho công ty TNHH DV và TM Ngọc Long	1311	1.028.058.000	
				5111		1.028.058.000

24/12	HĐ 88	24/12	Xuất bán ngô cho công ty TNHH quốc tế Forpig (M&D)	1311	1.716.762.000	
				5111		1.716.762.000
24/12	GBC 761	24/12	CT TNHH quốc tế Forpig (M&D) thanh toán tiền hàng	1121	800.000.000	
				1311		800.000.000

26/12	HĐ 90	26/12	Xuất bán khô đậu cho cty TNHH DV và TM Ngọc Long	1311	1.526.735.000	
				5111		1.526.735.000
					
26/12	GBC 997	26/12	Cty TNHH DV và TM Ngọc Long chuyển trả tiền hàng	1121	670.000.000	
				1311		670.000.000

			Cộng phát sinh		589.919.235.483	589.919.235.483

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 6: Trích sổ cái TK 131

Đơn vị: Công ty TNHH nông sản Việt Phát
Địa chỉ: số 20 đường Nam Phong, Nam Hải,
 quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S03b –DNN
 (Ban hành theo Thông tư số :
 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Năm 2019

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK Đôi ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>5.608.206.500</u>	
....
13/12	HĐ 84	13/12	Xuất bán ngô cho công ty TNHH DV và TM Ngọc Long	5111	1.028.058.000	
....
24/12	HĐ 88	24/12	Xuất bán ngô cho công ty TNHH quốc tế Forpig (M&D)	5111	1.716.762.000	
24/12	GBC 761	24/12	CT TNHH quốc tế Forpig (M&D) thanh toán tiền hàng	1121		800.000.000
.....
26/12	HĐ 90	26/12	Xuất bán khô đậu cho cty TNHH DV và TM Ngọc Long	5111	1.526.735.000	
26/12	GBC 997	26/12	Cty TNHH DV và TM Ngọc Long chuyển trả tiền hàng	1121		670.000.000
...
30/12	HĐ 98	30/12	Xuất bán cho khô đậu cho cty CP TM và SA Thái Bình An	5111	288.088.780	
....
			Cộng số phát sinh		58.987.665.737	60.376.768.217
			<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>4.219.104.020</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty nông sản Việt Phát)

Biểu số 7: Trích sổ chi tiết phải thu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT
Số 20 đường Nam Phong, Nam Hải, Hải An, HP

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

CHI TIẾT CÔNG NỢ

Đối tượng công nợ: Cty TNHH Quốc Tế Forpig (M&D)
Năm 2019

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
x	x	Số dư đầu kỳ					
						
HD 88	24/12/19	Xuất bán ngô cho Cty TNHH Quốc Tế Forpig (M & D)	5111	1,716,762,000		1,136,762,000	
GBC761	24/12/19	Cty TNHH Quốc Tế FORPIG(M & D)	1121		800,000,000	336,762,000	
HD 92	27/12/19	Xuất bán khô đậu cho Cty TNHH Quốc Tế Forpig (M & D)	5111	934,321,500		1,271,083,500	
HD 93	27/12/19	Xuất bán ngô cho Cty TNHH Quốc Tế Forpig (M & D)	5111	165,830,000		1,436,913,500	
GBC998	27/12/19	Cty TNHH Quốc Tế FORPIG(M & D)	1121		171,083,500	1,265,830,000	
GBC1002	30/12/19	Cty TNHH Quốc Tế FORPIG(M & D)	1121		600,000,000	665,830,000	
GBC1006	31/12/19	Cty TNHH Quốc Tế FORPIG(M & D)	1121		100,000,000	565,830,000	
x	x	Cộng số phát sinh		2,816,913,500	2,251,083,500		
x	x	Số dư cuối kỳ				565,830,000	

Khóa luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT
Số 20 đường Nam Phong, Nam Hải, Hải An, HP

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

CHI TIẾT CÔNG NỢ

Đối tượng công nợ: Công ty TNHH DV và TM Ngọc Long
Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
x	x	Số dư đầu kỳ				136,000,000	-
						
HĐ 86	19/12/19	Xuất bán khô đậu cho Cty TNHH DV và TM Ngọc Long	5111	926,539,000		944,807,620	
HĐ 87	20/12/19	Xuất bán ngô cho Cty TNHH DV và TM Ngọc Long	5111	1,032,393,000		1,977,200,620	
GBC867	20/12/19	Cty TNHH DV và TM Ngọc Long Chuyển trả tiền hàng	1121		300,000,000	1,677,200,620	
GBC876	20/12/19	Cty TNHH DV và TM Ngọc Long Chuyển trả tiền hàng	1121		280,000,000	1,397,200,620	
						
HĐ 90	26/12/19	Xuất bán khô đậu cho Cty TNHH DV và TM Ngọc Long	5111	1,526,735,000			936,064,380
HĐ 91	26/12/19	Xuất bán ngô cho Cty TNHH DV và TM Ngọc Long	5111	856,596,000			79,468,380
GBC956	26/12/19	Cty TNHH DV và TM Ngọc Long Chuyển trả tiền hàng	1121		670,000,000		749,468,380

Khóa luận tốt nghiệp

HĐ 94	29/12/19	Xuất bán khô đậu cho Cty TNHH DV và TM Ngọc Long	5111	759,122,000		9,653,620	
GBN	31/12/19	Chuyển trả lại tiền thừa cho Cty TNHH DV và TM Ngọc Long	1121	300,000,000		309,653,620	
GBN	31/12/19	Chuyển trả lại tiền thừa cho Cty TNHH DV và TM Ngọc Long	1121	300,000,000		609,653,620	
GBN	31/12/19	Chuyển trả lại tiền thừa cho Cty TNHH DV và TM Ngọc Long	1121	151,255,500		760,909,120	
x	x	Cộng số phát sinh			11,784,657,600	11,159,748,480	
x	x	Số dư cuối kỳ				760,909,120	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Biểu số 8: Trích bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT
Số 20 đường Nam Phong, Nam Hải, Hải An, HP

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU
NĂM 2019**

STT	Đối tượng công nợ	Số hiệu TK	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH TM Toàn Tuấn	131			843,483,200	400,000,000	443,483,200	-
2	Công ty TNHH Giang Hồng	131			5,310,964,000	5,310,964,000	-	-
3	Công ty TNHH TM & ĐT Phát Triển Công Nghệ Hiệp Thành	131			298,116,000	298,116,000	-	-
4	Công ty TNHH Vận Tải Đầu Tư Hoàng Vinh	131	333,529,000		634,734,500	937,556,500	30,707,000	-
5	Công ty TNHH Phát Triển Phú Lợi	131	1,666,758,500		-	990,000,000	676,758,500	-
6	CN Công ty CP SX và TM Hà Lan	131			342,850,000	342,850,000	-	-
7	Công ty TNHH Thức Ăn Chăn Nuôi XINAN Hải Dương	131			1,238,608,800	1,238,608,800	-	-
8	Công ty CP SX và TM Hoàn Dương Hà Nam	131			792,099,600	792,099,600	-	-
9	Công ty TNHH ROLEX GOLD VN	131	739,303,000		-	-	739,303,000	-
10	Cty TNHH Quốc Tế Forpig (M&D)	131						

Khóa luận tốt nghiệp

					2,816,913,500	2,251,083,500	565,830,000	-
11	Công ty CP Bigrfeed Hưng Yên	131	2,732,616,000		8,303,972,757	11,036,588,757	-	-
12	Công ty CP TM và SX Thái Bình An	131			288,008,780	288,008,780	-	-
13	Công ty CP Febecom	131			18,984,685,400	18,984,685,400	-	-
14	Công ty TNHH DV và TM Ngọc Long	131	136,000,000		11,784,657,600	11,159,748,480	760,909,120	-
15	Công ty CP Dinh Dưỡng Quốc Tế VICO	131			2,147,917,600	2,147,917,600	-	-
16	Công ty CP ĐT Phúc Khang	131			330,005,800	330,005,800	-	-
17	Cty CP ĐT và PT Công Nghệ Hoàng Long	131			353,535,000	353,535,000	-	-
18	Công ty TNHH GREEN GLOBAL VN	131			4,517,113,200	3,515,000,000	1,002,113,200	-
	Tổng cộng		5,608,206,500	-	58,987,665,737	60,376,768,217	4,219,104,020	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát.

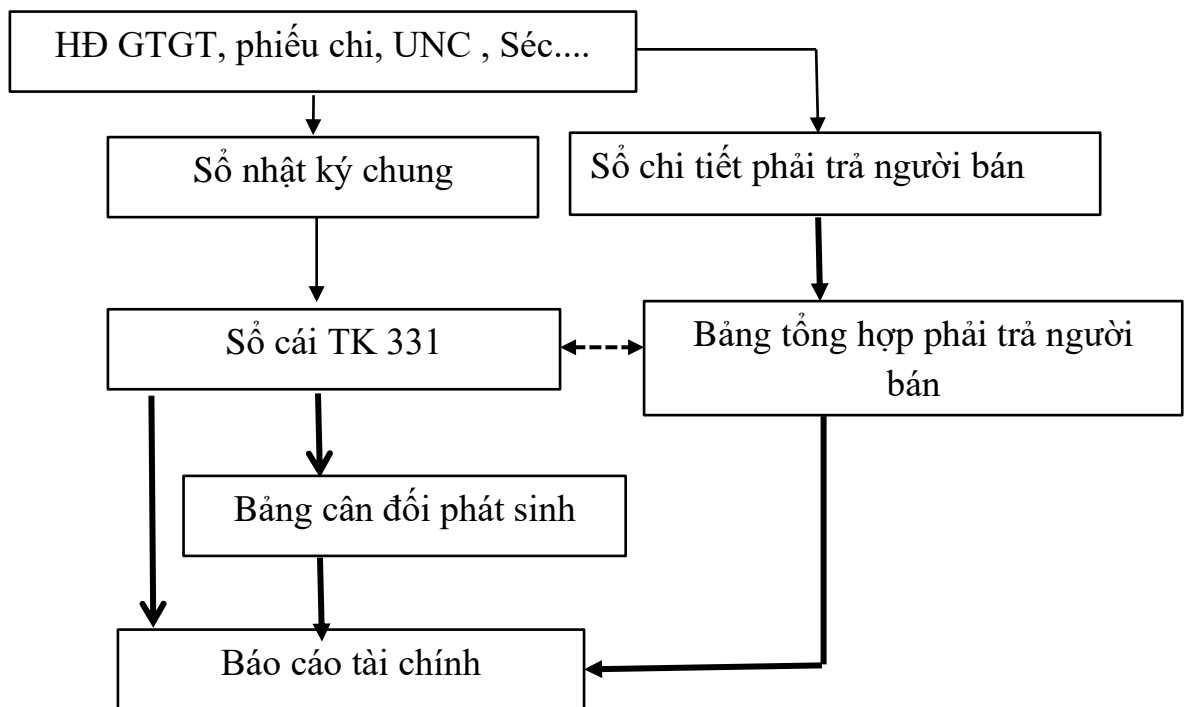
2.2.3.1. Chứng từ tài khoản, sổ sách sử dụng

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Ủy nhiệm chi.

Tài khoản sử dụng: TK 331 – Phải trả người bán.

Sổ sách sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 331, Sổ chi tiết phải trả người bán, Bảng tổng hợp phải trả người bán.

2.2.3.2. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán thanh toán với người bán tại công ty

- Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi định kỳ →
Kiểm tra đối chiếu ↔

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải trả người bán. Sau đó từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép vào sổ cái TK 331. Cuối kỳ từ sổ chi tiết phải trả người bán lập bảng tổng hợp phải trả người bán. Đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 331 với bảng tổng hợp phải trả người bán.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái TK 331 và bảng tổng hợp phải trả người bán, cuối kỳ tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ số liệu trên sổ cái TK 331, bảng tổng hợp trả người bán và bảng cân đối phát sinh để lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 5/12/2019 Công ty TNHH nông sản Việt Phát mua ngô hạt của công ty CP Bio Green Food Việt số tiền 1.338.304.000 (không có thuế VAT) theo HĐ 0000237.

Định khoản: Nợ TK 1561: 1.338.304.000

Có TK 3311: 1.338.304.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 13) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (Biểu số 15), sổ chi tiết TK 152, TK 133. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331(Biểu số 14), TK152, TK133

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (Biểu số 16)

Ví dụ 2: Ngày 24/12/2019 công ty mua cám mì của công ty CP ABC Việt Nam số tiền 121.648.640 theo hóa đơn 0001796 (không có thuế GTGT).

Định khoản: Nợ TK 1561: 121.648.640

Có TK 3311: 121.648.640

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 13) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (Biểu số 15), sổ chi tiết TK 152, TK 133. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331(Biểu số 14), TK152, TK133

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (Biểu số 16)

Biểu số 9: HD GTGT 0000237

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày: 05 tháng 12 năm 2019

Mã số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: BG/18P
Số: **0000237**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIO GREEN FOOD VIỆT NAM**
Mã số thuế: **0901016446**
Địa chỉ: **Thôn Văn Nội, Xã Hồng Tiến, Huyện Khoai Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**
Điện thoại: _____
Số tài khoản: _____

Họ tên người mua hàng: _____
Tên đơn vị: **Công ty TNHH Nông sản Việt Phát**
Địa chỉ: **Số 10, Đường Phan Hồng, P. Hòa Hải, Q. Hải An, H. Hải Phòng**
Số tài khoản: _____

Hình thức thanh toán: **Ck** Mã số thuế: **0211145596**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1	Mì gói hạt	kg	299400	5.160	1.338.504.000
CÔNG TY CỔ PHẦN BIO GREEN FOOD VIỆT NAM					

Cộng tiền hàng: **1.338.504.000**

Thuế suất GTGT: % Tiền thuế GTGT: _____

Tổng cộng tiền thanh toán: **1.338.504.000**


Số tiền viết bằng chữ: **Một tỷ ba trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm lẻ bốn**
trăm lẻ bốn nghìn chẵn

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): _____
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên): **Nguyễn Văn Truyền**
Giám đốc: **Nguyễn Văn Truyền**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIO GREEN FOOD VIỆT NAM**


(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Biểu số 10: HD GTGT số: 0001796



CÔNG TY CỔ PHẦN ABC VIỆT NAM

Mã số thuế: 0900254448
 Địa chỉ: Thôn Khả Duy, Xã Đoàn Đào, Huyện Phú Cù, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
 Điện thoại: (0221) 3892868 Fax: (0221) 3892780 Website: http://abcvietnam.com.vn
 Số tài khoản: 2400201001625 Tại Ngân hàng NHT&PTNT Tỉnh Hưng Yên
 Số tài khoản: 46510000021407 Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển CN Hưng Yên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 (Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử)
 Ngày 24 tháng 12 năm 2019

Mẫu số: 01/GTKT/0003
 Ký hiệu: NL/19E
 Số: 0001796

Họ và tên người mua hàng: _____
 Tên đơn vị: Công ty TNHH Nông Sản Việt Phát
 Địa chỉ: Số 20 đường Nam Phong, Phường Nam Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Mã số thuế: D201748596

Hình thức thanh toán: **TMCK** Số tài khoản: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cám mì	Kg	24,928	4.890.00	121,648,640
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					121,648,640
Thuế suất GTGT: / %					Tiền thuế GTGT: /
Tổng tiền thanh toán:					121,648,640

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người thực hiện chuyển đổi
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Vũ Thị Hào
Vũ Thị Hào
 Ngày in chuyển đổi 27/12/2019

Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
 ABC VIỆT NAM
 Ngày ký 24/12/2019

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Ví dụ 3: Ngày 10/12 Công ty TNHH nông sản Việt Phát đặt cọc tiền mua khô đậu theo hợp đồng N10/12/2019 cho công ty CP Bio Green Food VN số tiền 267.000.000

Định khoản: Nợ TK 3311: 267.000.000.

Có TK 1121: 267.000.000.

Ví dụ 4: Ngày 24/12/2019 công ty chuyển trả tiền hàng cho công ty CP ABC Việt Nam, số tiền 50.000.000

Định khoản: Nợ TK 3311: 50.000.000

Có TK 1121: 50.000.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 13) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán (Biểu số 15), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331(Biểu số 14), TK 112

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán(Biểu số 16)

Biểu số 11: Giấy báo nợ

	Số: 897
	Mã DV: PHUCDTQTO
GIẤY BÁO NỢ	Mã KH: 594256
10/12/2019	
Kính gửi: Công ty TNHH Nông sản Việt Phát	
Mã số thuế: 0201748596	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Có: 0031000269281	
Số tiền bằng số: 267.000.000	
Số tiền bằng chữ: <i>Hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng./</i>	
Nội dung: Đặt cọc tiền mua khô đậu theo hợp đồng N10/12/2019 cho công ty CP Bio Green Food VN	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Biểu số 12: Giấy báo nợ

	Số: 924
	Mã DV: PHUCDTQTO
GIẤY BÁO NỢ	Mã KH: 594256
24/12/2019	
Kính gửi: Công ty TNHH Nông sản Việt Phát	
Mã số thuế: 0201748596	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Có: 0031000269281	
Số tiền bằng số: 50.000.000	
Số tiền bằng chữ: <i>Năm mươi triệu đồng./</i>	
Nội dung: Chuyển trả tiền hàng cho công ty CP ABC Việt Nam	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 13: Trích Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH nông sản Việt Phát
Địa chỉ: số 20 đường Nam Phong, Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S03a –DNN
 (Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

05/12	HĐ 237	05/12	Nhập mua ngô của công ty CP BIO GREEN FOOD VN	1561	1.338.540.000	
				3311		1.338.540.000
			
08/12	GBN 765	08/12	Chuyển trả tiền hàng cho Cty TNHH TM và ĐT PT Công Nghệ Hiệp Thành	3311	19.585.600	
				1121		19.585.600
			
10/12	GBN 897	10/12	Đặt cọc tiền mua khô đậu theo hợp đồng N10/12/2019 cho CT CP Bio Green Food VN	3311	267.000.000	
				1121		267.000.000

24/12	HĐ 1796	24/12	Công ty mua cám mì của công ty CP ABC Việt Nam	1561	121.648.640	
				3311		121.648.640
24/12	GBN 924	24/12	Chuyển trả tiền hàng cho công ty CP ABC Việt Nam	3311	50.000.000	
				1121		50.000.000

26/12	HĐ 90	26/12	Xuất bán khô đậu cho cty TNHH DV và TM Ngọc Long	1311	1.526.735.000	
				5111		1.526.735.000
					
26/12	GBC 997	26/12	Cty TNHH DV và TM Ngọc Long chuyển trả tiền hàng	1121	670.000.000	
				1311		670.000.000

			Cộng phát sinh		589.919.235.483	589.919.235.483

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 14: Trích sổ cái TK 331

Đơn vị: Công ty TNHH nông sản Việt Phát
Địa chỉ: số 20 đường Nam Phong, Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S03b –DNN
 (Ban hành theo Thông tư số :
 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2019

Số hiệu tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả cho người bán

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>473.771.660</u>
....
05/12	HD 237	05/12	Nhập mua ngô của công ty CP BIO GREEN FOOD VN	1561		1.338.540.000
....
08/12	GBN 765	08/12	Chuyển trả tiền hàng cho Cty TNHH TM và ĐT PT Công Nghệ Hiệp Thành	1121	19.585.600	
...			
10/12	GBN 897	10/12	Đặt cọc tiền mua khô đậu theo HD N10/12/2019 cho CT CP Bio Green Food VN	1121	267.000.000	
....
24/12	HD 1796	24/12	Công ty mua cám mì của công ty CP ABC Việt Nam	1561		121.648.640
24/12	GBN 924	24/12	Chuyển trả tiền hàng cho công ty CP ABC Việt Nam	1121	50.000.000	
...
26/12	GBC 997	26/12	Cty TNHH DV và TM Ngọc Long chuyển trả tiền hàng	1121	288.088.780	
....
			<u>Cộng số phát sinh</u>		<u>59.614.016.460</u>	<u>60.772.270.967</u>
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>1.632.026.167</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

Biểu số 15: Trích sổ chi tiết phải trả cho người bán.

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT
Số 20 đường Nam Phong, Nam Hải, Hải An, HP

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

CHI TIẾT CÔNG NỢ

Đối tượng công nợ: Công ty CP BIO GREEN FOOD Việt Nam
Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
x	x	Số dư đầu kỳ			-	-	
...					
GBN635	11/04/19	Chuyển trả tiền hàng cho CT CP BIO GREEN FOOD Việt Nam	1121	2,000,000,000			778,141,450
GBN654	25/04/19	Chuyển trả tiền cho Cty CP BIO GREEN FOOD VN	1121	350,000,000			428,141,450
GBN678	15/08/19	Chuyển trả tiền hàng cho Cty CP BIO GREEN FOOD Việt Nam	1121	428,141,450			
GBN789	25/09/19	Chuyển trả Cty CP BIO GREEN FOOD VN	1121	600,000,000		600,000,000	
HĐ207	26/09/19	Nhập khô đậu của Cty CP BIO GREEN FOOD Việt Nam	1561		601,106,000		1,106,000
HĐ237	05/12/19	Nhập ngô của Cty CP BIO GREEN FOOD Việt Nam	1561		1,338,504,000		1,339,610,000
GBN897	10/12/19	Đặt cọc tiền khô đậu theo hợp đồng N10/12/2019 cho Cty CP BIO GREEN FOOD VN	1121	267,000,000			1,072,610,000
x	x	Cộng số phát sinh		9,450,906,450	10,523,516,450		
x	x	Số dư cuối kỳ					1,072,610,000

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT
Số 20 đường Nam Phong, Nam Hải, Hải An, HP

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

CHI TIẾT CÔNG NỢ

Đối tượng công nợ: Công ty CP ABC Việt Nam
Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
x	x	Số dư đầu kỳ				-	-
...						
HĐ1207	04/12/19	Nhập ngô của Cty CP ABC Việt Nam	1561		307,328,000		245,202,900
GBN900	04/12/19	Chuyển trả tiền hàng cho Cty CP ABC Việt Nam	1121	300,000,000		54,797,100	
HĐ1264	06/12/19	Nhập ngô của Cty CP ABC Việt Nam	1561		117,925,200		63,128,100
GBN902	06/12/19	Chuyển trả tiền hàng cho Cty CP ABC Việt Nam	1121	150,000,000		86,871,900	
GBN910	11/12/19	Chuyển trả tiền hàng cho Cty CP ABC Việt Nam	1121	145,000,000		231,871,900	
HĐ1489	12/12/19	Nhập cám mì của Cty CP ABC Việt Nam	1561		130,735,200	101,136,700	
GBN913	18/12/19	Chuyển trả tiền hàng cho Cty CP ABC Việt Nam	1121	130,000,000		231,136,700	
HĐ1654	19/12/19	Nhập cám mì của Cty CP ABC Việt Nam	1561		131,076,800	100,059,900	

Khóa luận tốt nghiệp

HĐ1796	24/12/19	Nhập cám mì của Cty CP ABC Việt Nam	1561	-	121,648,640	-	21,588,740
GBN924	24/12/19	Chuyển trả tiền hàng cho Cty CP ABC Việt Nam	1121	50,000,000	-	28,411,260	-
GBN925	24/12/19	Chuyển trả tiền hàng cho Cty CP ABC Việt Nam	1121	30,000,000		58,411,260	
x	x	Cộng số phát sinh		5,524,468,500	5,466,057,240		
x	x	Số dư cuối kỳ				58,411,260	

Biểu số 16: Trích bảng tổng hợp phải trả cho người bán.

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT
Số 20 đường Nam Phong, Nam Hải, Hải An,
HP

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ 331

NĂM 2019

STT	Đối tượng công nợ	Số hiệu TK	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Vận Tải Đầu Tư Hoàng Vinh	331		16,041,750	513,399,640	585,544,840	-	88,186,950
2	Công ty CP Tư Vấn và ĐT TM Thành Long	331		48,389,000	-	-	-	48,389,000
....							
7	Công Ty CP Việt Anh	331			1,636,931,160	1,136,930,720	500,000,440	-
8	Công ty TNHH Richcom	331			1,619,000,000	1,642,289,250	-	23,289,250
9	Công ty CP TM và VT Bảo Ngọc 68	331		22,140,910	22,140,910	-	-	-
10	Công ty CP TM Tổng Hợp Hoàng Kim	331			69,099,965	69,099,965	-	-
13	Công ty CP ĐT và PT Công Nghệ Hoàng Long	331		97,200,000	4,090,718,480	3,993,518,480	-	-
14	Công ty CP BIO GREEN FOOD Việt Nam	331			9,450,906,450	10,523,516,450	-	1,072,610,000
15	Công ty TNHH DV và TM Ngọc Long	331			4,458,109,650	4,458,109,650	-	-
16	Công ty TNHH Phát Triển Phú Lợi	331						

Khóa luận tốt nghiệp

					990,000,000	990,000,000	-	-
17	Công ty CP MB Khai Minh	331			655,763,000	655,763,000	-	-
18	Công ty CP ABC Việt Nam	331			5,524,468,500	5,466,057,240	58,411,260	-
19	Công ty CP SX và TM Hoàn Dương Hà Nam	331			1,990,230,000	1,990,230,000	-	-
...							
29	Công ty TNHH SX TM Nông Sản TST Việt	331			554,912,500	554,912,500	-	-
30	Công ty CP Nam Việt	331			2,078,035,200	2,078,035,200	-	-
31	Công ty TNHH Dragon Lord	331			320,860,000	320,860,000	-	-
32	CN 1 Cty TNHH MTV Hoàng Thanh Trà	331			11,518,092,400	11,980,032,800	-	461,940,400
33	Cty Trường Tín	331			50,000,000	-	50,000,000	-
x	Tổng cộng		-	473,771,660	59,614,016,460	60,772,270,967	608,411,700	2,240,437,867

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH nông sản Việt Phát)

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI
CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT**

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát

3.1.1. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty được xây dựng theo mô hình tập trung, bố trí hợp lý, chặt chẽ, đơn giản, gọn nhẹ nhưng hiệu quả, hoạt động có nề nếp với những nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc, trình độ nghiệp vụ kế toán của nhân viên kế toán luôn được nâng cao.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức sổ “ Nhật Ký Chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản dễ áp dụng. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh dễ dàng trên sổ các sổ cái sổ chi tiết được ghi chép theo trình tự thời gian .Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ của nhân viên và tình trạng trang thiết bị kỹ thuật của công ty. Công tác tính toán, xử lý thông tin phù hợp với đặc điểm phục vụ kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của công ty

- Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ : Công ty đã sử dụng đầy đủ chứng từ bắt buộc theo quy định và thực hiện nghiêm túc các bước trong quy trình luân chuyển chứng từ, tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán ban đầu được chính xác và công tác kiểm tra đối chiếu sau này được thuận lợi

- Về hệ thống tài khoản : công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản đúng theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016

- Về hạch toán kế toán thanh toán: công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được thực hiện kịp thời, công ty đã sử dụng sổ chi tiết để theo dõi công nợ từng đối tượng người mua người bán. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho nhà quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty , nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và hoạch định chiến lược trong tương lai.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được việc tổ chức kế toán thanh toán tại công ty TNHH nông sản Việt Phát vẫn còn những hạn chế nhất định

- Quản lý công nợ là một khâu hết sức thiết yếu đối với sự tồn tại và thành công của công ty tuy nhiên công ty vẫn chưa có những biện pháp để quản lý công nợ sát sao và hiệu quả dẫn đến vẫn còn nhiều khách hàng thanh toán chậm thời hạn

- Trong công tác kế toán thanh toán công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm .

- Đối với những khoản nợ ngoài việc cố gắng để thu hồi thì công ty chưa đưa ra biện pháp nào để xử lý, khắc phục theo hướng có lợi nhất cho công ty trong khi với tình hình kinh tế như hiện nay thì nợ khó đòi hoàn toán có thể xảy ra và trở thành nợ không có khả năng thu hồi. Sau đây là bảng báo cáo tình hình công nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2019 tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát.

Công ty TNHH nông sản Việt Phát.

Báo cáo tình hình công nợ phải thu khách hàng

Đến ngày 31/12/2019

T T	Tên công ty	Dư nợ đến 31/12/2019	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Ghi chú
1	Công ty TNHH TM Toàn Tuấn	443.483.200			443483.200	5 tháng
2	Công ty TNHH Phát Triển Phú Lợi	676.758.500			676.758.500	1 năm 15 ngày
3	Công ty TNHH ROLEX GOLD VN	739.303.000			739.303.000	1 năm 2 tháng
4	Công ty TNHH DV và TM Ngọc Long	760.909.120	760.909.120			
	
	Tổng cộng	4.219.104.020	1.824.610.650	136.520.500	2.257.972.870	

Ngày thángnăm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Bên cạnh đó, công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán. Hiện nay công việc kế toán của công ty được thực hiện trên Excel. Dẫn đến mất rất nhiều thời gian còn nhiều sai sót.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát

3.2.1. Kiến nghị 1: Quản lý công nợ

Lập hồ sơ theo dõi cho từng khách hàng

Với một hồ sơ khách hàng được trình bày một cách khoa học và cập nhật liên tục với người quản lý giúp người quản lý nắm bắt được đầy đủ về thông tin của một khách hàng. Sau đây em xin phép đề xuất một mẫu hồ sơ theo dõi khách hàng như sau:

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng:.....
Tên viết tắt:

Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Số Fax(*Fax No.*).....
Địa chỉ thư điện tử:

Loại hình đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH...)
.....

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:.....
Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh(Mã doanh nghiệp):.....
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....
Mã số thuế:.....
Tài khoản ngân hàng:

Người đại diện theo pháp luật:.....ĐT:.....
Người giao dịch:..... ĐT:.....

Ví dụ: Hồ sơ theo dõi khách hàng

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN PHÚ LỢI**

Tên viết tắt:

Địa chỉ: A6, tập thể Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

Mã số thuế: 0103610582

Điện thoại: 02436 866 221

Số Fax(*Fax No.*).....

Địa chỉ thư điện tử:

Loại hình đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH...):

Công ty TNHH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh(Mã doanh nghiệp):.....

Ngày cấp: 28/ 10/ 2015

Nơi cấp: Chi cục thuế Hà Nội

Mã số thuế: 0103610582

Tên ngân hàng: Ngân hàng VPBank - CN Kinh Đô – Hà Nội

Số tài khoản: 44373971

Người đại diện theo pháp luật: PHAN MẠNH TÙNG ĐT:

Người giao dịch: Phạm Ngọc Hà

ĐT: 0975747186

➤ Giải pháp về việc đối chiếu công nợ định kỳ:

Đối chiếu công nợ định kỳ diễn ra vào cuối tháng nhằm giúp cho công ty quản lý không bỏ sót các khoản nợ đối với người mua, người bán và theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả từ đó có kế hoạch đôn đốc các khoản công nợ phải thu và có kế hoạch thanh toán các khoản nợ phải trả tránh để nợ quá hạn.

Với công nợ phải trả cho công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

CỘNG HÒA CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế

- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Công ty TNHH Nông Sản Việt Phát,

Các bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VIỆT PHÁT

- Địa chỉ : Số 20, đường Nam Phong, P.Nam Hải, Q.Hải An, TP.Hải Phòng, Việt nam.

- Điện thoại : 02253619 366 Fax : 02253619366

- Mã số thuế : 0201748596

- Tài khoản : 0031000269281 – Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương

- Đại diện : Bà **Lương Thị Hiền** Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN B: : CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN PHÚ LỢI

- Địa chỉ : A6, tập thể Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

- Điện thoại : 0436 866 221 Fax :

- Mã số thuế : 0103610582

- Do ông : **Ông Phan Mạnh Tùng** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau xác nhận như sau:

I. Đối chiếu công nợ.

- Công nợ tính đến ngày 31/12/2018 là **1.666.758.500**

- Cán trừ công nợ do công ty TNHH phát triển Phú Lợi bán cho công ty TNHH Nông Sản Việt Phát 01 xe ô tô theo hợp đồng mua bán số 14022019/HĐMB-PL/2019 ngày 14/2/2019 với tổng giá trị hợp đồng là **990.000.000**

Vậy sau khi cán trừ tính đến ngày 31/12/2019 công nợ là **676.758.500**

II. Xác nhận công nợ sau đối trừ.

Sau khi tiến hành bù trừ công nợ thì hai bên đã thống nhất chốt công nợ như sau: Đến hết ngày 31/12/2019 Công ty TNHH phát triển Phú Lợi (Bên B) còn nợ Công Ty TNHH Nông Sản Việt Phát(Bên A) số tiền là: **676.758.500 (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm năm tám nghìn năm trăm đồng)**

Biên bản này được lập thành 02 bản có đính kèm bảng kê chi tiết, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau và được coi như phụ lục không tách rời của các hợp đồng mua bán hàng hóa của 2 bên đến thời điểm chốt công nợ nêu trên.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN

B

3.2.2. Kiến nghị 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán chưa có quy định thống nhất của bộ tài chính, vì vậy mức chiết khấu thanh toán có thể do công ty quy định

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán phải được ghi cụ thể trong hợp đồng kinh tế được ký kết giữa hai bên, đây là điều kiện cần và đủ để làm căn cứ thực hiện chiết khấu thanh toán đối với khách hàng

Số tiền chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán x tỷ lệ chiết khấu x số ngày thanh toán trước hạn

Phương pháp hạch toán

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK: 131,111,112,...

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có tài khoản 635 chi phí tài chính

Năm 2019, doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng TMCP ngoại thương VCB. Tại thời điểm này mức lãi suất gửi tiết kiệm ngân hàng VCB năm 2019 là 6.8%/ năm, mức lãi suất cho vay là 7.9%/ năm.

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt

quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Doanh nghiệp nên chọn tỉ lệ chiết khấu thanh toán là 7%/ năm dựa theo lãi suất ngân hàng VCB

Ví dụ minh họa: Ngày 11/06/2019, Xuất bán ngô cho Công ty CP Bigfeed Hưng Yên chưa thu tiền:

Định khoản:

Nợ TK 131: 1.755.798.520

Có TK 511: 1.755.798.520

Ngày 13/06/2019, công ty Công ty CP Bigfeed Hưng Yên đã thanh toán toàn bộ 100% tiền hàng mua ngày 11/06/2019, mặc dù theo hợp đồng đã ký trước đó công ty Công ty CP Bigfeed Hưng Yên đến ngày 26/06/2019 mới phải thanh toán tiền hàng. Công ty CP Bigfeed Hưng Yên đã thanh toán trước 13 ngày. Kế toán tính chiết khấu thanh toán công ty CP Bigfeed Hưng Yên như sau:

$$\Rightarrow \text{Tiền chiết khấu} = (7\%/360) \times 13 \times 1.755.798.520 = 4.438.267$$

Định khoản:

Nợ TK 635: 4.438.267

Có TK 111: 4.438.267

3.2.3. Kiến nghị 3: Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, chiếu theo điều kiện của việc lập dự phòng phải thu khó đòi, công ty TNHH nông sản Việt Phát chưa trích lập dự phòng. Nhưng để kiểm soát được nguồn tài chính của công ty tránh được tổn thất do các khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong tương lai nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, sau đây em xin đưa ra các điều kiện cũng như phương hướng lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp cho doanh nghiệp hạn chế tối đa số tổn thất phải chịu khi có một khách hàng xảy ra sự cố không thể đòi được nợ.

Căn cứ để trích lập dự phòng là dựa vào văn bản pháp luật là thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019

Đối tượng lập dự phòng là các khoản nợ phải thu (bao gồm cả các khoản doanh nghiệp đang cho vay và khoản trái phiếu chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán mà doanh nghiệp đang sở hữu) đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng doanh nghiệp không thu hồi được đúng hạn, đồng thời đảm bảo điều kiện sau:

a) Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm:

- Một trong số các chứng từ gốc sau: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ;

- Bản thanh lý hợp đồng (nếu có);

- Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát);

- Bảng kê công nợ;

- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

b) Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên), doanh nghiệp đã gửi đối chiếu xác nhận nợ hoặc đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định đối tượng nợ có khả năng không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

- Riêng đối với các khoản nợ mua của doanh nghiệp mua bán nợ (có đăng ký ngành nghề và hoạt động mua bán nợ theo đúng quy định của pháp luật), thời gian quá hạn được tính kể từ ngày chuyển giao quyền chủ nợ giữa các bên (trên cơ sở biên bản hoặc thông báo bàn giao quyền chủ nợ) hoặc theo cam kết gần nhất (nếu có) giữa doanh nghiệp đối tượng nợ và doanh nghiệp mua bán nợ.

2. Mức trích lập:

a) Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

b) Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông và doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ hàng hóa, khoản nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau và khoản nợ phải thu do bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các đối tượng nợ là cá nhân đã quá hạn thanh toán mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 9 tháng đến dưới 12 tháng.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 12 tháng trở lên.

c) Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án thì doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng.

3. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định sau:

a) Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp không được trích lập bổ sung khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

b) Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp trích lập bổ sung số chênh lệch đó và ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

c) Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch đó và ghi giảm chi phí trong kỳ.

d) Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nêu trên. Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

đ) Đối với khoản nợ mua của doanh nghiệp mua bán nợ, căn cứ phương án mua, xử lý nợ và các nguyên tắc trích lập dự phòng tại Thông tư này để thực hiện trích lập dự phòng, số dự phòng được trích lập tối đa bằng số tiền mà doanh nghiệp đã bỏ ra để mua khoản nợ, thời gian trích lập tối đa không quá thời gian tái cơ cấu doanh nghiệp, thu hồi nợ tại phương án mua, xử lý nợ.

e) Doanh nghiệp không thực hiện trích lập dự phòng khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán phát sinh từ khoản lợi nhuận, cổ tức được chia do góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

g) Khi trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có phát sinh cả nợ phải thu và nợ phải trả, căn cứ biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên để doanh nghiệp trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được kế toán thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính:

a) Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

b) Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

c) Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331, 334....(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)(phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (phần được tính vào chi phí)

Có TK 131, 138, 128, 244...

d) Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được doanh nghiệp xử lý xoá nợ, nếu sau đó doanh nghiệp lại thu hồi được nợ, kế toán sẽ căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 711 – Thu nhập khác

đ) Còn Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thỏa thuận, thì tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

– Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Khóa luận tốt nghiệp

Có các TK 131, 138,128, 244...

-Đối với Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã được lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138,128, 244...

e) Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn Nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 411 – Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty TNHH nông sản Việt Phát .

BẢNG TÍNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2019

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty TNHH Phát Triển Phú Lợi	676.758.500	1 năm 15 ngày	50%	338.379.250
2	Công ty TNHH ROLEX GOLD VN	739.303.000	1 năm 2 tháng	50%	369.651.500
	Tổng cộng	1.416.061.500	X	x	708.030.750

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán sẽ tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ như sau:

Nợ TK 642: 708.030.750

Có TK 2293: 708.030.750

3.2.4 Kiến nghị 4: Sử dụng phần mềm kế toán

- Phần mềm kế toán là hệ thống các chương trình máy tính dùng để xử lý tự động các thông tin kế toán trên máy vi tính, là một công cụ ghi chép, lưu trữ, tính toán và tổng hợp trên cơ sở dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc. Nó phải đáp ứng nhu cầu quản trị kế toán của doanh nghiệp cũng như đáp ứng các quy định về sổ sách kế toán của Nhà nước

- Một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là không phải tốn quá nhiều thời gian giống như khi sử dụng hệ thống kế toán cũ. Kế toán là một quá trình liên quan đến chi tiết. Nó liên quan đến các quy định, luật lệ, thuế và nhiều tính toán phức tạp khác. Một phần mềm kế toán đã được thiết kế phù hợp với quy định, luật lệ, thuế...hiện thành sẽ giúp doanh nghiệp luôn tuân thủ với luật pháp. Hơn nữa nó giúp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp Điều doanh nghiệp cần làm là nhập dữ liệu và in ra

- Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

+ Ít tốn thời gian: Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và theo tác in

+ Chính xác: Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi xảy ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu

+ Dễ sử dụng : Hầu hết các phần mềm kế toán có đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng

+ Lập báo cáo: Một trong những điều kiện tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kỳ theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập ra báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, tuần hoặc tháng

+ Công nợ: quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn. Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi. Báo cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng tho dõi công nợ của khách hàng này đến từng khách hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in ra tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm như: FAST, CYBER, ACCOUNTING, MISA,... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng một số phần mềm như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán Fast Accounting.

Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

➤ Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2020)

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2020 được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sử

hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

- Tính chính xác: Số liệu tính toán rất chính xác, ít xảy ra sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao

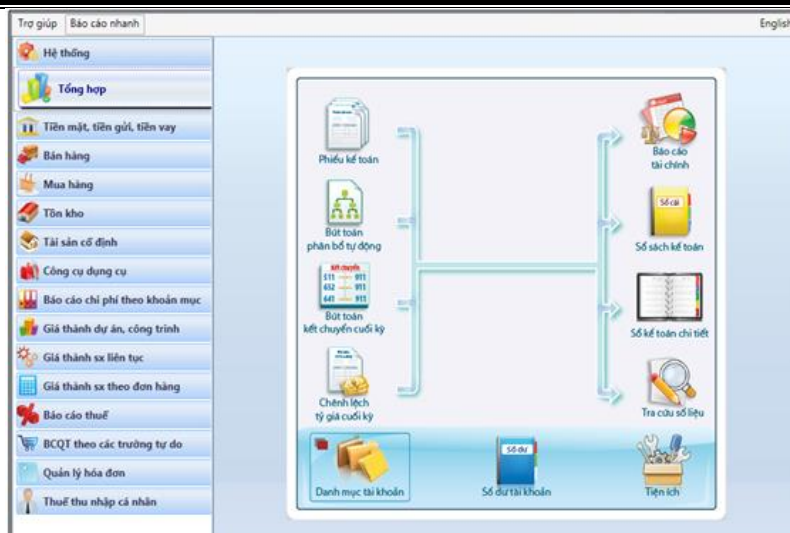


➤ Phần mềm kế toán Fast 2018

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ hiện hành cũng giống như MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.

- Tốc độ xử lý cao

- Cho phép kết xuất báo cáo ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp



➤ Phần mềm kế toán 3TSoft 2015



Theo em công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA vì phần mềm này có khả năng bảo mật rất cao đảm bảo dữ liệu tuyệt đối. Ngoài ra trên phần mềm Misa còn tích hợp quản lý hồ sơ khách hàng, bảng phân tích nợ phải thu quá hạn, trước hạn hoặc theo tuổi nợ và tự động làm biên bản đối chiếu công nợ tại bất cứ thời điểm nào khi cần yêu cầu quản lý.

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Về lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 12 năm 2019. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính

+ Về công tác kế thanh toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình công ty, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.

- Hạn chế:

+ Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

+ Công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán trong việc ghi sổ sách

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý công nợ tại Công ty TNHH nông sản Việt Phát :

- Công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đảm bảo để nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

- Công ty nên tăng cường công tác quản lý công nợ bằng cách ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác ghi chép nhanh và hiệu quả hơn.

- Công ty nên lập hồ sơ để theo dõi và quản lý khách hàng khoa học hơn.

- Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH nông sản Việt Phát (2019), *Sổ sách kế toán Công ty*.